



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# CÔNG BÁO

Tỉnh Bến Tre

Số 26

Ngày 10 tháng 9 năm 2024

## MỤC LỤC

Trang

### VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

#### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- |            |   |    |
|------------|---|----|
| 05-09-2024 | Quyết định số 31/2024/QĐ-UBND bãi bỏ Quyết định số 18/2021/QĐ-UBND ngày 03 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định về Giải thưởng môi trường tỉnh Bến Tre.  | 2  |
| 05-09-2024 | Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định tổ chức, quản lý các phương tiện hoạt động phục vụ khách du lịch trên địa bàn tỉnh Bến Tre ban hành kèm theo Quyết định số 20/2019/QĐ-UBND ngày 02 tháng 5 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre. | 4  |
| 05-09-2024 | Quyết định số 33/2024/QĐ-UBND sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 64/2017/QĐ-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định về các bệnh động vật trên cạn phải phòng bệnh bắt buộc bằng vắc xin trên địa bàn tỉnh Bến Tre.                       | 11 |

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 31 /2024/QĐ-UBND

Bến Tre, ngày 05 tháng 9 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**

**Bãi bỏ Quyết định số 18/2021/QĐ-UBND ngày 03 tháng 6 năm 2021  
của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định về  
Giải thưởng môi trường tỉnh Bến Tre**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 15 tháng 6 năm 2022;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 4108/TTr-STNMT ngày 23 tháng 8 năm 2024.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Bãi bỏ toàn bộ Quyết định số 18/2021/QĐ-UBND ngày 03 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định về Giải thưởng môi trường tỉnh Bến Tre.

**Điều 2. Điều khoản thi hành**

1. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, tổ chức chính trị- xã hội tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 17 tháng 9 năm 2024./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Trần Ngọc Tam**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 32 /2024/QĐ-UBND

*Bến Tre, ngày 05 tháng 9 năm 2024*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định tổ chức, quản lý các phương tiện hoạt động phục vụ khách du lịch trên địa bàn tỉnh Bến Tre ban hành kèm theo Quyết định số 20/2019/QĐ-UBND ngày 02 tháng 5 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;*

*Căn cứ Thông tư số 86/2014/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ Giao thông vận tải quy định về điều kiện đối với xe chở người bốn bánh có gắn động cơ và người điều khiển tham gia giao thông trong phạm vi hạn chế;*

*Căn cứ Thông tư số 39/2019/TT-BGTVT ngày 15 tháng 10 năm 2019 của Bộ Giao thông vận tải quy định trách nhiệm của chủ phương tiện, thuyền viên, người lái phương tiện, đảm nhiệm chức danh thuyền viên và định biên an toàn tối thiểu trên phương tiện thủy nội địa;*

*Căn cứ Thông tư số 33/2022/TT-BGTVT ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2019/TT-BGTVT ngày 15 tháng 10 năm 2019 của Bộ Giao thông vận tải quy định trách nhiệm của chủ phương tiện, thuyền viên, người lái phương tiện, đảm nhiệm chức danh thuyền viên và định biên an toàn tối thiểu trên phương tiện thủy nội địa;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 2200/TTr-SGTVT ngày 09 tháng 8 năm 2024.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định tổ chức, quản lý các phương tiện hoạt động phục vụ khách du lịch trên địa bàn tỉnh Bến Tre ban hành kèm theo Quyết định số 20/2019/QĐ-UBND ngày 02 tháng 5 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre, như sau:**

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 7 như sau:

**“Điều 7. Phạm vi, tuyến đường và thời gian hoạt động của xe chở người bốn bánh có gắn động cơ trên địa bàn tỉnh Bến Tre**

1. Phạm vi, tuyến đường hoạt động

a) Trên địa bàn thành phố Bến Tre

- Đại lộ Đồng Khởi (hết tuyến);
- Đường quanh Hồ Trúc Giang (Hai Bà Trưng, Trần Quốc Tuấn, Lê Quý Đôn, Nguyễn Trung Trực);
- Đường Hùng Vương (hết tuyến);
- Đường Nguyễn Văn Tư (hết tuyến);
- Đường Cách mạng tháng Tám (hết tuyến);
- Đường Nguyễn Đình Chiểu (hết tuyến);
- Đường Trương Định (hết tuyến);
- Quốc lộ (QL) 57C (Đường Đồng Văn Công);
- Đường Phạm Ngọc Thảo (hết tuyến);
- Đường Nguyễn Văn Nguyễn (hết tuyến);
- Đường Hoàng Lam (hết tuyến);
- Đường Âu Cơ (hết tuyến);
- Đường Lạc Long Quân (hết tuyến);
- Đường lộ Thầy Cai (hết tuyến);
- Đường D5, cầu Bến Tre 3 (cầu Rạch Vong);
- Đường dọc bờ sông Bến Tre (từ cầu Cá Lóc đến Doanh nghiệp Việt Trung);
- Đường Ca Văn Thỉnh (hết tuyến);

- Đường Đại lộ Đông - Tây (hết tuyến);
  - Đường Chợ Chùa - Hữu Định (Đại lộ Đồng Khởi đến đường Ngô Quyền nối dài, theo tên gọi của công trình, dự án xây dựng);
  - Đường quanh Sân vận động tỉnh (đường Ngô Quyền nối dài đến đường Đoàn Hoàng Minh);
  - Đường Đoàn Hoàng Minh (hết tuyến);
  - Đường Nguyễn Văn Cánh (hết tuyến);
  - Đường Võ Nguyên Giáp (hết tuyến);
  - Đường nội bộ khu dân cư đô thị Phú Khương;
  - Đường lộ Phú Hữu – Bờ Đấp (Đường Nguyễn Thị Định đến hết tuyến);
  - Đường Nguyễn Thị Định (hết tuyến);
  - Đường Nguyễn Huệ (hết tuyến);
  - QL.57C (vòng xoay Mỹ An, xã Mỹ Thạnh An, thành phố Bến Tre đến Khu du lịch Lan Vương);
  - Đường tỉnh (ĐT) 885 (Ngã ba Chợ Giữa đến cầu Chệt Sậy).
- b) Trên địa bàn huyện Châu Thành
- QL.57B (đoạn từ ngã tư Tân Bắc đến Đường xã (ĐX) 04 xã Tân Phú);
  - ĐT.883 (đoạn từ giáp QL.57C đến cầu Phong Năm);
  - Đường Huỳnh Tấn Phát (vòng xoay cảng Giao Long đến giáp thành phố Bến Tre);
  - Đường Cảng Giao Long (vòng xoay cảng Giao Long đến Đường tỉnh dự kiến (ĐT.DK) 07);
  - ĐT.DK.07 (hết tuyến);
  - Đường Lộ Thợ, lộ Tam Dương (hết tuyến);
  - Đường huyện dự kiến (ĐH.DK)18, ĐH.DK.19, ĐH.DK.20 (hết tuyến);
  - ĐH.DK.13 (ĐH.03 đến giáp sông Ba Lai);
  - Đường Trần Văn Ôn (hết tuyến);
  - Đường huyện (ĐH) 01, ĐH.03, ĐH.04 (hết tuyến);
  - Dự án cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch các xã ven sông Tiền (hết tuyến);
  - Đường dẫn vào Khu tưởng niệm anh hùng liệt sĩ Trần Văn Ôn (hết tuyến).

c) Trên địa bàn huyện Giồng Trôm

- ĐT.885 và ĐT.883 (hết tuyến);
- ĐH.10 và ĐH.11 (hết tuyến);
- Đường vào bên phà Hưng Phong;
- ĐT.DK.04 (hết tuyến);
- ĐH.DK.30 (hết tuyến);
- Đường đê bao ngăn mặn ven sông Hàm Luông;
- Đường đê bao ngăn mặn xã Hưng Phong.

d) Trên địa bàn huyện Ba Tri

- ĐH.14 (hết tuyến);
- ĐH.881 (hết tuyến);
- ĐH.16 (hết tuyến);
- ĐH.DK.04 hết tuyến.

đ) Trên địa bàn huyện Chợ Lách

- QL.57 đoạn từ Vòng xoay Sơn Định đến chợ Phú Long - Xã Hưng Khánh Trung B;

- QL.57B đoạn từ Vòng xoay Hòa Nghĩa đến Phà Tân Phú;
- ĐH.33 (hết tuyến);
- ĐH.34 (hết tuyến);
- ĐH 35 (hết tuyến);
- ĐH.36 (hết tuyến);
- HL.37 (hết tuyến);
- HL.41 (hết tuyến).

e) Trên địa bàn huyện Mỏ Cày Nam

- Tuyến QL.60 cũ từ Hometays coconut ấp Tân Phước, thị trấn Mỏ Cày - ĐH 22 đến Khu di tích đặc biệt Đồng Khởi, xã Định Thủy;

- Tuyến QL.60 cũ đến Hometays coconut ấp Tân Phước, thị trấn Mỏ Cày - Vòng xoay đường vào cầu Cỏ Chiên đến du lịch sinh thái cồn Thành Long, xã Thành Thới A;

- Tuyển tránh thị trấn Mỏ Cày từ Cơ sở sản xuất Kẹo dừa Tuyết Phụng truyền thống (QL.60 cũ) và HL.20 đến Chợ Thom, xã An Thạnh (Chợ nổi Dừa sông Thom).

g) Trên địa bàn huyện Thạnh Phú

- Tuyển ĐH.24 (xã Phú Khánh) - Đê 418 ven sông Hàm luông - ĐH.25 - ĐH.DK.47 - Cầu dây An Điền;

- Tuyển ĐH.27 (bến đò Rạch Cỏ xã An Thạnh) - Bến Trại - Dọc đê sông Cổ Chiên - ĐT.881 (bến đò Bến Vong xã Bình Thạnh).

h) Trên địa bàn huyện Bình Đại

- Tuyển QL.57B (đoạn từ thị trấn Bình Đại đến cuối tuyến tại xã Thới Thuận);

- Tuyển ĐT.886 (hết tuyến);

- Tuyển ĐT.881 (hết tuyến);

- Tuyển ĐT.DK.07 (đoạn từ kênh Giao Hòa đến phà Long Định);

- Tuyển ĐH.DK.12 (hết tuyến);

- Tuyển ĐH.13 (hết tuyến);

- Tuyển ĐH.15 (hết tuyến);

- Tuyển ĐH.06 (hết tuyến);

- Tuyển ĐH.40 (hết tuyến).

i) Trên địa bàn huyện Mỏ Cày Bắc

- Tuyển ĐT.882 và ĐT.882 nối dài (từ QL.57 đến Cầu Vĩnh Phúc);

- Tuyển ĐH.DK.25 (từ QL.60 đến xã Phú Mỹ giáp huyện Chợ Lách);

- Tuyển ĐH.34 (từ ĐH.DK.25 đến ranh huyện Chợ Lách);

- Tuyển ĐH.DK.41 (từ ĐT.882 đến ĐH.34);

- Tuyển ĐT.DK.09 (ĐH.18, ĐH.39, tuyến tránh PMT, ĐT.DK.38) (từ xã Nhuận Phú Tân đến Đường huyện dự kiến 25);

- Tuyển ĐT.DK.06 (từ Sông Thom đến ranh huyện Chợ Lách);

- Tuyển ĐH.20 (từ ĐH.19 đến ranh huyện Mỏ Cày Nam);

- Tuyển ĐH.19 (từ ĐH.21 đến QL.57).

## 2. Thời gian hoạt động

Xe chở người bốn bánh gắn động cơ được hoạt động 24/24 giờ trong ngày, trong phạm vi, tuyến đường được quy định tại khoản 1 Điều này”.



2. Sửa đổi, bổ sung Điều 9 như sau:

“ Người lái phương tiện phải đảm bảo các quy định tại Điều 35 Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 8, khoản 9 Điều 11 như sau:

“8. Công bố hoạt động bến thủy nội địa (bến khách du lịch, vùng nước hoạt động) theo quy định của Chính phủ”.

“9. Phối hợp, hướng dẫn Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trong việc quy định và tổ chức thực hiện tuyến đường hoạt động phục vụ vận chuyển khách du lịch bằng xe bốn bánh có gắn động cơ sử dụng năng lượng điện và xăng trên các tuyến đường cấp xã (ĐX), đường giao thông nông thôn”.

4. Bổ sung khoản 3 vào Điều 12 như sau:

“3. Phối hợp, cung cấp thông tin về xử phạt vi phạm hành chính đối với doanh nghiệp, hợp tác xã hoạt động kinh doanh vận tải hành khách bằng xe chở người bốn bánh gắn động cơ cho Sở Giao thông vận tải để phối hợp quản lý”.

5. Bổ sung khoản 7 vào Điều 13 như sau:

“7. Phối hợp với Sở Giao thông vận tải tổ chức quản lý, hướng dẫn đơn vị kinh doanh trong hoạt động xe chở người bốn bánh gắn động cơ vận chuyển khách tham quan du lịch”.

6. Bổ sung khoản 6, khoản 7 vào Điều 16 như sau:

“6. Tổ chức quản lý hoạt động xe chở người bốn bánh gắn động cơ của các đơn vị kinh doanh trên địa bàn đảm bảo đúng các tuyến đường hoạt động được quy định tại khoản 1 Điều 1 của Quyết định này”.

“7. Đối với phạm vi, tuyến đường hoạt động phục vụ vận chuyển khách du lịch bằng xe bốn bánh có gắn động cơ sử dụng năng lượng điện và xăng trên các tuyến đường cấp xã (ĐX), đường giao thông nông thôn giao cho Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố quyết định”.

7. Bổ sung khoản 8 vào Điều 18 như sau:

“8. Đơn vị kinh doanh vận tải khách du lịch sử dụng xe bốn bánh có gắn động cơ sử dụng năng lượng điện và xăng vận chuyển khách du lịch:

- Đăng ký tuyến đường hoạt động với Sở Giao thông vận tải theo đúng quy định;

- Duy trì đảm bảo các điều kiện an toàn của xe chở người bốn bánh gắn động cơ và điều kiện đối với người điều khiển xe chở người bốn bánh gắn động cơ;

- Chịu trách nhiệm khi nhân viên lái xe điều khiển phương tiện hoạt động không đúng tuyến đường theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Quyết định này;

- Định kỳ 06 (sáu) tháng báo cáo tình hình hoạt động về Sở Giao thông vận tải để đánh giá, rút kinh nghiệm”.

8. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 20 như sau:

“Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 39/2019/TT-BGTVT ngày 15 tháng 10 năm 2019 của Bộ Giao thông vận tải quy định trách nhiệm của chủ phương tiện, thuyền viên, người lái phương tiện, đảm nhiệm chức danh thuyền viên và định biên an toàn tối thiểu trên phương tiện thủy nội địa và Thông tư số 33/2022/TT-BGTVT ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Bộ Giao thông vận tải sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2019/TT-BGTVT ngày 15 tháng 10 năm 2019 của Bộ Giao thông vận tải quy định trách nhiệm của chủ phương tiện, thuyền viên, người lái phương tiện, đảm nhiệm chức danh thuyền viên và định biên an toàn tối thiểu trên phương tiện thủy nội địa”.

## **Điều 2. Điều khoản thi hành**

1. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 17 tháng 9 năm 2024./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Trần Ngọc Tam**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 33 /2024/QĐ-UBND

*Bến Tre, ngày 05 tháng 9 năm 2024*

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 64/2017/QĐ-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định về các bệnh động vật trên cạn phải phòng bệnh bắt buộc bằng vắc xin trên địa bàn tỉnh Bến Tre**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Thú y ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 5 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn;*

*Căn cứ Thông tư số 09/2021/TT-BNNPTNT ngày 12 tháng 8 năm 2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 5 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 3491/TTr-SNN ngày 22 tháng 8 năm 2024.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 64/2017/QĐ-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định về các bệnh động vật trên cạn phải phòng bệnh bắt buộc bằng vắc xin trên địa bàn tỉnh Bến Tre**

**Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 2 như sau:**

1. Bệnh ở trâu, bò, dê, cừu:

a) Bệnh ở trâu, bò: Lở mồm long móng, Viêm da nổi cục, Tụ huyết trùng.

b) Bệnh ở dê, cừu: Lở mồm long móng.

**Điều 2. Thay thế, bãi bỏ một số cụm từ và khoản của Quyết định số 64/2017/QĐ-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định về các bệnh động vật trên cạn phải phòng bệnh bắt buộc bằng vắc xin trên địa bàn tỉnh Bến Tre**

1. Thay thế cụm từ: “*Mẫu giấy chứng nhận tiêm phòng theo mẫu thống nhất tại Phụ lục 07 về các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm ở động vật phải phòng bệnh bắt buộc bằng vắc xin ban hành kèm theo Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 5 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn*” bằng cụm từ: “*Mẫu Giấy chứng nhận tiêm phòng theo mẫu quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*” tại điểm e khoản 1 Điều 3.

2. Bãi bỏ điểm c khoản 1 Điều 3.

3. Bãi bỏ cụm từ: “*Giao Chi cục Chăn nuôi và Thú y chịu trách nhiệm quản lý và cấp giấy chứng nhận tiêm phòng đối với các bệnh động vật trên cạn được quy định tại Điều 2 của Quyết định này*” tại điểm e khoản 1 Điều 3.

### **Điều 3. Điều khoản thi hành**

1. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; các tổ chức, cá nhân có chăn nuôi động vật trên cạn trên địa bàn tỉnh Bến Tre chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 17 tháng 9 năm 2024./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Trần Ngọc Tam**

---

---

**VĂN PHÒNG UBND TỈNH BẾN TRE XUẤT BẢN**

Địa chỉ: Số 07, Cách mạng tháng Tám, Phường An Hội, TP.Bến Tre;

Điện thoại liên hệ: 0275.3822115 - 3827529; Fax: 0275.3822134;

E-mail: [congbaobentre@bentre.gov.vn](mailto:congbaobentre@bentre.gov.vn);

Website: [congbao.bentre.gov.vn](http://congbao.bentre.gov.vn)